

Số: 3262/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ sửa đổi ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 11/TTr-SKH-CN ngày 19/01/2016 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 288/SKHĐT-TH ngày 03/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển:

a) Quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Đồng Nai làm cho KH&CN thực sự trở thành động lực then chốt để tỉnh duy trì nhịp độ phát triển nhanh và bền vững, xây dựng Đồng Nai trở thành tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại vào năm 2020. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp chiều rộng với chiều sâu, tạo nền tảng vững chắc để phát triển theo chiều sâu dựa vào phát triển nền kinh tế tri thức trong giai đoạn 2021-2025. Khoa học và Công nghệ phải đóng vai trò chủ đạo tạo bước đột phá về lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế tri thức.

b) Tập trung thực hiện đồng bộ 3 nhiệm vụ: Tiếp tục đổi mới cơ bản và toàn diện về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN phù hợp với quy định của Luật KH&CN năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành; tiếp tục tăng cường tiềm lực KH&CN theo hướng tập trung nghiên cứu ứng dụng ở lĩnh vực ưu tiên: nông dân – nông nghiệp – nông thôn và 2 mũi nhọn đột phá là hạ tầng khoa học và công nghệ cho công nghệ thông tin, công nghệ sinh học; đào tạo, phát triển, thu hút và sử dụng nhân lực KH&CN là động lực then chốt phát triển bền vững KH&CN, góp phần tích cực vào sự nghiệp đẩy mạnh CNH-HĐH của tỉnh, xứng tầm với một địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

c) Tăng nhanh năng lực hoạt động KH&CN có trọng tâm, trọng điểm. Phát triển đồng bộ và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất và nguồn nhân lực. Nhà nước tập trung đầu tư cho các nhiệm vụ trọng điểm, các giải pháp KH&CN cho các sản phẩm chủ lực, các ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực xã hội, nhất là của các doanh nghiệp cho phát triển KH&CN.

d) Phát triển mạnh mẽ thị trường KH&CN gắn với việc thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo KH&CN. Hình thành, phát triển và khuyến khích sáng tạo từ các tổ chức, doanh nghiệp KH&CN, các tổ chức trung gian công nghệ; có cơ chế liên kết hoạt động giữa các tổ chức KH&CN với doanh nghiệp; phát triển chợ công nghệ và thiết bị.

e) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về KH&CN, tăng cường hợp tác KH&CN với các nước có trình KH&CN tiên tiến trong khu vực về các lĩnh vực: chia sẻ kinh nghiệm quản lý nhà nước về KH&CN, hợp tác nghiên cứu và phát triển công nghệ; tìm kiếm công nghệ mới, giống mới; phát triển tiềm lực KH&CN, nhất là đào tạo cán bộ KH&CN trình độ cao, tăng cường đầu tư trang bị kết cấu hạ tầng công nghệ cho tỉnh.

2. Mục tiêu phát triển:

a) Mục tiêu tổng quát:

- Đến năm 2020, khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai đạt trình độ phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; hình thành và phát triển năng lực công nghệ nội sinh, cơ bản có khả năng làm chủ những công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực chính của nền kinh tế, tạo tiền đề hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức đáp ứng yêu cầu Đồng Nai phát triển kinh tế nhanh, bền vững, bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh, xây dựng Đồng Nai giàu mạnh, văn minh.

- Đến năm 2030, Đồng Nai là một trong những Trung tâm khoa học và công nghệ lớn trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến của khu vực, tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Khoa học và công nghệ trở thành nhân tố chủ yếu tác động đến nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, là nhân tố quan trọng cung cấp luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển kinh tế - xã hội và môi trường của tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tăng tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của Đồng Nai đạt 39% vào năm 2020; đạt 42% vào năm 2025 và đạt 45% cho giai đoạn sau 2025.

- Tốc độ đổi công nghệ đạt 20% vào năm 2020; đạt 25% vào năm 2025 và đạt 28% cho giai đoạn sau 2025.

- Giá trị sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp đạt khoảng 35-37% vào năm 2020; đạt 40-42% vào năm 2025 và đạt trên 45% cho giai đoạn sau 2025.

- Giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 45-48% vào năm 2020; đạt 48-50% vào năm 2025 và đạt trên 50% cho giai đoạn sau 2025.

- Tỷ lệ nhân lực KH&CN có trình độ sau đại học đạt 10 người/10.000 dân vào năm 2020, trong đó 80% làm việc trong các tổ chức nghiên cứu – phát triển (R&D); đạt 15 người/10.000 dân vào năm 2025, trong đó 90% làm việc trong các tổ chức nghiên cứu – phát triển (R&D) và đạt 20 người/10.000 dân cho giai đoạn sau 2025, trong đó trên 90% làm việc trong các tổ chức nghiên cứu – phát triển (R&D).

- Phân đầu đến năm 2020 toàn tỉnh có 12 tổ chức nghiên cứu - phát triển và 07 tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ; đến năm 2030 có thêm 12 tổ chức nghiên cứu - phát triển và 10 tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Phân đầu huy động vốn đầu tư phát triển xã hội cho KH&CN so với GRDP đạt khoảng 1,5-2%/năm vào năm 2020; đạt khoảng 2-2,5% vào năm 2025 và trên 2,5% cho giai đoạn sau 2025.

- Vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho KH&CN so với tổng chi ngân sách địa phương đạt 2%/năm vào năm 2020; đạt 2,5% vào năm 2025 và giai đoạn sau 2025 giảm dần tỷ lệ vốn ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ lệ vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp cho KH&CN.

3. Nội dung cơ bản của Quy hoạch:

3.1. Định hướng phát triển khoa học và công nghệ:

a) Xây dựng và phát triển khoa học công nghệ trở thành một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, tạo sự chuyên biến mạnh về chất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo quốc phòng - an ninh; góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần đạt mục tiêu xây dựng Đồng Nai là tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, giàu mạnh, văn minh.

b) Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xuất phát từ những yêu cầu thực tế, có địa chỉ cụ thể ứng dụng nhằm phục vụ thiết thực những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, tập trung nguồn lực đầu tư cho các mục tiêu

trọng điểm. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng của thị trường khoa học và công nghệ.

c) Huy động nguồn lực của các ngành, các cấp và trong nhân dân phát triển khoa học và công nghệ; thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ngoài tỉnh; thiết lập tốt cơ chế liên kết giữa ba nhà: Khoa học - quản lý - doanh nghiệp và có nhiều hoạt động tạo hiệu ứng xã hội để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, góp phần phát huy hiệu quả thực thi các chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh.

d) Thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế. Tăng cường hợp tác khoa học và công nghệ với quốc tế trong xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, đào tạo, sử dụng đội ngũ chuyên gia, đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao; tìm kiếm các công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến mới, các giống mới phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.2. Các nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ:

3.2.1 Nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ đột phá:

Để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu góp phần đạt mục tiêu đến năm 2020 Đồng Nai trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, cần thực hiện 3 nhiệm vụ đột phá về khoa học và công nghệ sau:

a) Hình đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao (R&D)

Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao chủ yếu là nhân lực nghiên cứu - phát triển (R&D) làm việc trong các tổ chức nghiên cứu và các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên và ngành nông nghiệp. Nguồn nhân lực này được hình thành thông qua sự kết hợp giữa đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân tài; vận dụng cơ chế, chính sách của nhà nước để hỗ trợ và doanh nghiệp là người chủ động đầu tư kinh phí để phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp. Tỉnh duy trì chương trình đào tạo sau đại học đã thực hiện và bổ sung cơ chế đặc thù của tỉnh để thu hút sử dụng và đãi ngộ nguồn nhân lực này.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Chương trình bồi dưỡng và đào tạo nhân lực nghiên cứu - phát triển (R&D) trình độ cao phục vụ ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp ưu tiên và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Đề án xây dựng cơ chế đặc thù của tỉnh về thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao, kỹ thuật viên lành nghề phục vụ cho các ngành kinh tế trọng điểm và các lĩnh vực công nghệ cao.

- Đề án xây dựng cơ chế đặc thù của tỉnh thu hút chuyên gia nước ngoài, chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài đến Đồng Nai tham gia công tác nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn về khoa học và công nghệ trình độ cao.

b) Xây dựng cơ sở hạ tầng cho công nghệ thông tin và công nghệ sinh học

Hệ thống cơ sở vật chất khoa học và công nghệ bao gồm các khu nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập, các tổ chức nghiên cứu - chuyển giao trong các trường đại học, các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp độc lập. Giải pháp thực hiện đột phá này yêu cầu phải nhanh chóng đầu tư xây dựng và triển khai thực hiện dự án Trung tâm Công nghệ Sinh học tỉnh theo Quyết định 734/QĐ-TTg ngày 27/5/2015 của Thủ Tướng Chính phủ và các dự án đầu tư phát triển KH&CN thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và các giai đoạn sau năm 2020.

c) Có cơ chế đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới khoa học và công nghệ

Đánh giá lại các cơ chế đặc thù của tỉnh đã thực hiện về hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ giai đoạn trước, tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện thành cơ chế mới phù hợp với xu thế hội nhập hiện nay, hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất-chất lượng, năng lực cạnh tranh, ứng phó có hiệu quả với hàng nhập khẩu do nước ta hội nhập ASEAN, WTO, TPP, Ưu tiên hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên và ngành nông nghiệp của tỉnh có sản phẩm công nghệ cao hoặc sản phẩm ứng dụng công nghệ cao.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn sau năm 2020.

3.2.2. Nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực:

a) Phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh. Cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các chương trình, đề án, dự án góp phần giải quyết những vấn đề dài hạn của tỉnh như bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, sức khỏe người dân, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Nghiên cứu, nhận dạng bản chất, nguyên nhân và tác động của thiên tai, quá trình biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất thực hiện các giải pháp hạn chế, phòng ngừa, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ứng dụng các giải pháp công nghệ sinh học để xác định và phòng chống các loại dịch bệnh nguy hiểm mới phát sinh, tạo các chế phẩm sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến và giải pháp phù hợp để chế biến, bảo quản và đa dạng hóa các mặt hàng nông - lâm - thủy sản góp phần xây dựng các thương hiệu mạnh cho sản phẩm xuất khẩu của tỉnh.

b) Phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

+. Công nghệ thông tin- truyền thông

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng. Đến năm 2020 cơ bản xây dựng và vận hành

hòan chỉnh chính quyền điện tử, công dân điện tử, doanh nghiệp điện tử và phát triển thương mại điện tử tại Đồng Nai.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ phát triển hàng năm cao so với các lĩnh vực khác, có tỷ lệ đóng góp cho tăng trưởng GRDP của tỉnh ngày càng tăng; làm nòng cốt để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế tỉnh.

Nhiệm vụ cụ thể:

- *Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước* phải từng bước xây dựng một chính quyền điện tử hiện đại từ tỉnh đến các sở ngành, quận, huyện, xã, phường, thị trấn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, đổi mới phương thức quản lý nhà nước; bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch trong phục vụ người dân và doanh nghiệp; gắn bó chặt chẽ với quá trình cải cách hành chính, tiến tới xây dựng “tỉnh điện tử” phù hợp với khuôn mẫu về mô hình chính quyền điện tử cấp địa phương, phù hợp với các quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia, về an toàn, bảo mật, bảo đảm tính tương thích trong hoạt động và liên thông với mạng liên kết vùng và mạng quốc gia. Phát triển thương mại điện tử gắn kết chặt chẽ với việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, góp phần thúc đẩy sản xuất và thương mại nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

- *Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành một ngành kinh tế mũi nhọn, chủ lực*, phát triển bền vững, tăng trưởng cao, ổn định, định hướng vào xuất khẩu, là hạt nhân thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh; góp phần vào tăng trưởng kinh tế, làm tiền đề hỗ trợ các ngành công nghiệp khác phát triển. Đi thẳng vào công nghệ hiện đại, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để khai thác nguồn vốn và công nghệ mới. Đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

- *Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông*, đảm bảo công nghệ hiện đại, quản lý và khai thác hiệu quả. Phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phải đi trước một bước nhằm tạo cơ sở cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông tiên tiến, hiện đại, hoạt động hiệu quả, an toàn và tin cậy, có độ bao phủ rộng khắp. Phát triển mạnh mạng thế hệ sau (NGN) nhằm cung cấp đa dịch vụ trên một hạ tầng thống nhất. Đẩy mạnh phát triển mạng truy nhập băng rộng để bảo đảm phát triển các ứng dụng trên mạng như: Chính phủ điện tử, thương mại điện tử, đào tạo, khám chữa bệnh từ xa và các ứng dụng khác. Các mạng viễn thông di động phát triển tiến tới hệ thống thông tin di động thế hệ thứ 3 (3G) và các thế hệ tiếp sau. Phát triển các dịch vụ phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin và viễn thông, đáp ứng kịp thời nhu cầu trao đổi thông tin của toàn xã hội.

+ *Công nghệ sinh học*

- Ứng dụng có trọng điểm các công nghệ gen, tế bào, vi sinh, enzym-protein, tin sinh học, nano sinh học... ; phát triển công nghệ sinh học đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực; xây dựng nền công nghiệp sinh học thành một ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao, sản xuất được một số sản phẩm chủ lực và có đóng góp quan

trọng cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh; nghiên cứu ứng dụng có hiệu quả vào một số lĩnh vực chủ yếu trong nông nghiệp, thủy sản, y tế, bảo vệ môi trường,...

Nhiệm vụ cụ thể:

- Đẩy mạnh ứng dụng có hiệu quả công nghệ sinh học để tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi, chủng vi sinh vật, các chế phẩm sinh học mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, phục vụ nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá phục vụ tốt nhu cầu tiêu dùng của địa phương và xuất khẩu. Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản, phân vi sinh, thuốc kích thích và điều hoà sinh trưởng, thuốc trừ sâu, phòng chống dịch bệnh, thử nghiệm sử dụng các loại phân bón hữu cơ với quy trình và chế độ canh tác phù hợp để sản xuất sản phẩm sạch. Tiếp nhận chuyển giao và ứng dụng rộng rãi công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật trong sản xuất nông nghiệp, phát triển mạnh ở một số đối tượng có giá trị kinh tế cao. Hỗ trợ phát triển mạnh các mô hình ứng dụng cấp huyện để từ đó nhân rộng.

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tạo ra các giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao, sản xuất được nhiều chế phẩm công nghệ sinh học và ứng dụng vào sản xuất phục vụ nuôi trồng và phát triển thủy sản địa phương. Nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đầu tư công nghệ và sản phẩm sinh học phục vụ cho lĩnh vực môi trường, đặc biệt là các công nghệ và sản phẩm đáp ứng yêu cầu cho xử lý nước thải, rác thải, khí thải của tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ chăm sóc sức khoẻ nhân dân; trong đó đặc biệt chú trọng ứng dụng công nghệ tế bào gốc phục vụ chẩn đoán, điều trị các loại bệnh nguy hiểm, thay thế các mô, cơ quan.

+ Công nghệ tự động hoá

- Tập trung ứng dụng công nghệ tự động hóa vào 3 khâu: thiết kế, quá trình công tác và kiểm tra, đo lường.

- Đi thẳng vào ứng dụng công nghệ tự động hoá hiện đại có chọn lọc, phù hợp đối với từng ngành, từng lĩnh vực sản xuất và trong từng giai đoạn phát triển khác nhau. Chủ động trong chuyển giao công nghệ và nghiên cứu làm chủ công nghệ nhập để khai thác nâng cao hiệu quả ứng dụng, đồng thời làm cơ sở cho việc nghiên cứu sáng tạo nâng cao.

Nhiệm vụ cụ thể:

- *Ứng dụng công nghệ tự động hoá trong thiết kế*: Tự động thiết kế trong các ngành kinh tế nhờ trợ giúp của máy tính. Yêu cầu phải đạt được: Hoàn toàn thiết kế tự động trong các ngành dệt, may, da giày xuất khẩu. Tự động thiết kế các máy công cụ, các dụng cụ cơ khí và các chi tiết cơ khí chủ yếu. Sử dụng các chương trình tự

động hoá thiết kế và tính toán trong thiết kế cơ khí, xây dựng công trình, xây dựng giao thông.

- *Ứng dụng công nghệ tự động hoá trong các quá trình công tác:* Lắp ráp, bảo trì bảo hành các hệ thống SCADA (hệ thống điều khiển giám sát và xử lý số liệu) trong các ngành năng lượng, chế biến thực phẩm, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường, xăng dầu. Nghiên cứu ứng dụng và phát triển kỹ thuật rô bốt, ưu tiên áp dụng trong một số ngành có các công đoạn sản xuất nguy hiểm cho con người như sản xuất vật liệu xây dựng, hoá chất và một số ngành về sản xuất độc hại về môi trường. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ PLC điều khiển tự động các máy công tác và hệ thống chấp hành.

- *Tự động hoá đo lường và xử lý thông tin các quá trình công nghệ:* Các hệ thống đo lường công nghiệp, bảo vệ môi trường và xử lý thông tin phải tự động hoá cao. Đẩy mạnh tự động hoá các thiết bị đo lường, các chủng loại cân điện tử hiện số và truyền số liệu, công tơ thẻ,...

+ Công nghệ vật liệu mới

- Tiếp nhận công nghệ và phát triển ứng dụng có hiệu quả các vật liệu mới có các tính năng kỹ thuật cao trong sản xuất công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, y tế: vật liệu Laser y tế, các loại thép đặc biệt, vật liệu từ tính, vật liệu quang học, vật liệu Compozit, vật liệu bao bì dễ phân hủy.

- Khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu chế tạo các vật liệu tiên tiến từ nguồn nguyên liệu trong nước, đặc biệt là nguyên liệu sinh học; các tổ hợp vật liệu mới trong công nghiệp, xây dựng và dân dụng như bê tông cốt kim, bê tông polyme, các tổ hợp vật liệu chịu nhiệt, chịu tác động môi trường, bền, nhẹ...

+ Công nghệ năng lượng tái tạo và môi trường

- Nghiên cứu sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, sức gió, ứng dụng các công nghệ và giải pháp tiết kiệm năng lượng.

- Ứng dụng các giải pháp, công nghệ hiện đại, kỹ thuật mới xử lý, cải thiện ô nhiễm môi trường, đặc biệt xử lý chất thải nông nghiệp và cải thiện môi trường khu vực làng nghề, nông thôn, các sông, hồ, khu công nghiệp của Đồng Nai; ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất, kinh doanh; phát triển công nghệ tái chế chất thải.

c) Phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực y, dược.

Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực y tế, làm chủ được các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh, tật ở người như ghép tạng, trị liệu tế bào gốc, mổ nội soi, kỹ thuật sinh học phân tử, y học hạt nhân. Làm chủ được các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh. Chú trọng nghiên cứu sản xuất nguyên liệu dược chất phục vụ công nghiệp bào chế thuốc, tăng dân tỷ lệ nguyên liệu dược chất trong nước, phát huy ưu thế, tiềm năng về dược liệu và thuốc y học cổ truyền. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong nghiên cứu và sản xuất thuốc từ dược liệu trong nước và thuốc y học cổ truyền.

d) Phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp là ứng dụng công nghệ cao tập trung vào các đối tượng cây trồng, vật nuôi có khả năng tạo ra giá trị hàng hóa lớn, có tính cạnh tranh cao, bảo đảm nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học để tạo ra các giống cây con mới, có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu với sâu bệnh và có khả năng thích nghi với điều kiện biến đổi khí hậu.

Nghiên cứu phát triển công nghệ và công cụ, thiết bị tiên tiến, đồng bộ cho sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y, thức ăn gia súc.

Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ, thiết bị, vật liệu tiên tiến trong khảo sát, thiết kế, thi công các công trình thủy lợi nhằm đáp ứng nhu cầu về tưới, tiêu chủ động, phòng tránh thiên tai, phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn nâng cao chất lượng các quyết định, chủ trương và công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ xây dựng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2021-2025.

Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến củng cố và xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trước yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của tỉnh.

Nghiên cứu, xác định mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế; đề xuất các giải pháp phát triển nhanh, bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường, về phát triển kinh tế tri thức; nâng cao sự đóng góp của TFP vào GRDP tỉnh.

Nghiên cứu xây dựng các luận cứ khoa học, đề xuất các cơ chế, chính sách, mô hình, giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới như: Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; phát triển công nghiệp hỗ trợ, phục vụ nông nghiệp - nông thôn; huy động các nguồn lực xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới; sử dụng có hiệu quả đất nông nghiệp. Nghiên cứu xây dựng và áp dụng các giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới như quy hoạch, kiến trúc, xây dựng cơ sở hạ tầng, cảnh quan nông thôn mới gắn với bảo tồn các giá trị truyền thống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của nông thôn mới Đồng Nai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo đảm dân chủ và an sinh xã hội nông thôn mới; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị nông thôn mới. Nghiên cứu hoàn thiện mô hình nông thôn mới của tỉnh. Nghiên cứu các giải pháp phát triển các ngành kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn.

Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đổi mới cơ chế quản lý và thực hiện xã hội hoá phát triển văn hoá, xã hội, giáo dục - đào tạo, thể thao, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân; xây dựng con người Đồng Nai; giải pháp đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội. Tiếp tục nghiên cứu, phát huy những giá trị truyền thống lịch sử, văn hoá, dân tộc tốt đẹp của Đồng Nai.

g) Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.

+ Hạ tầng khoa học và công nghệ:

Tập trung nguồn lực tài chính nhà nước và kết hợp đẩy mạnh huy động xã hội hóa để đầu tư xây dựng các dự án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh như: Khu Công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học, Bảo tàng khoa học và công nghệ Quốc gia tại Đồng Nai, Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh, Trung tâm chiếu xạ, Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng, Trung tâm thông tin và thống kê khoa học và công nghệ tỉnh; Tạo điều kiện nâng tầm quy hoạch khu vực Khu Công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học thành đô thị khoa học và trí thức phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

+ Nhân lực khoa học và công nghệ:

Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, ngang tầm các nước có trình độ phát triển khá trong khu vực, tâm huyết, trung thực, tận tụy, có cơ cấu phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới. Xây dựng và quản lý quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ; đề xuất các chính sách đào tạo, sử dụng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ; đa dạng hóa các loại hình, cấp độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phát triển nhân lực khoa học và công nghệ.

Nhiệm vụ cụ thể:

● *Xây dựng, quản lý quy hoạch nhân lực khoa học và công nghệ.*

- Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý tốt quy hoạch, kế hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh.

● *Chính sách đào tạo, sử dụng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ:*

- Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách phát triển nhân lực khoa học và công nghệ đã ban hành, kiến nghị chỉnh sửa để bảo đảm tính nhất quán, đồng bộ trong triển khai thực hiện.

- Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp. Chú trọng xây dựng cơ chế thích hợp, hiệu quả để thu hút các chuyên gia giỏi, các nhà khoa học đầu ngành của các Viện, Trường.

- Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình.

- Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ khoa học và công nghệ đầu đàn, cán bộ khoa học và công nghệ được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng của tỉnh, cán bộ khoa học và công nghệ trẻ tài năng.

- Có chính sách hỗ trợ cán bộ khoa học và công nghệ đi làm việc và thực tập có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ở nước ngoài để giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tầm tính, kết hợp bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ.

• *Đa dạng hóa các loại hình, cấp độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ:*

- Đầu tư, liên doanh, liên kết, nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao với trình độ phù hợp. Khuyến khích ưu đãi liên doanh, liên kết, kêu gọi đầu tư mở các cơ sở đào tạo trình độ sau đại học của các trường đại học danh tiếng trong nước và quốc tế, các viện nghiên cứu khoa học và công nghệ đầu ngành của quốc gia, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao, trọng điểm, ưu tiên. Thông qua cơ chế liên kết giữa các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp, các cán bộ khoa học và công nghệ có điều kiện tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, sáng tạo công nghệ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Lựa chọn cán bộ nghiên cứu và giảng dạy, cử đi học nâng cao tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước hoặc nước ngoài; mời các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành về làm việc tại các trường, các tổ chức khoa học và công nghệ, trực tiếp tham gia các chương trình, dự án, hợp đồng chuyển giao công nghệ... trong quá trình làm việc hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và công nghệ của tỉnh.

• *Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phát triển nhân lực khoa học và công nghệ:*

- Tiếp tục duy trì và tăng cường đầu tư, nâng cao hiệu quả đào tạo sau đại học từ ngân sách nhà nước, có chính sách ưu tiên gửi đi đào tạo các chuyên ngành công nghệ cao ở các nước phát triển.

- Mở rộng phương thức đào tạo trong nước có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài không chỉ ở các trường đại học mà cả ở các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn.

+ *Tổ chức khoa học và công nghệ công lập:*

- Cùng cố, sắp xếp lại và phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập của tỉnh theo hướng dẫn tại công văn số 3479/BKHCN ngày 25/9/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Tập trung đầu tư xây dựng một số đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ đủ năng lực nghiên cứu, tiếp thu chuyên hoá kết quả khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Hình thành các tổ chức ứng dụng công nghệ, kỹ thuật cao phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên của tỉnh. Cùng cố, kiện toàn nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; tập

trung cho lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thông tin-truyền thông, công nghệ tự động hoá và công nghệ vật liệu mới.

- Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển.

- Xây dựng mạng lưới thông tin khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung xây dựng Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ Đồng Nai thành một Trung tâm thông tin khoa học và công nghệ mạnh và hiện đại làm nòng cốt cho hoạt động thông tin khoa học và công nghệ của toàn tỉnh.

- Phát triển mạnh dịch vụ cung cấp, tổng hợp - phân tích thông tin, số liệu thống kê khoa học và công nghệ bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu lãnh đạo, quản lý, dự báo hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Xây dựng nguồn lực thông tin và phát triển các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ phục vụ quản lý, trước mắt là các cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học và công nghệ, các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn, về các công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sở hữu trí tuệ, trình độ công nghệ,...

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến tri thức khoa học và công nghệ góp phần nâng cao dân trí phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

- Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn để đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến tri thức khoa học và công nghệ.

- Đa dạng hoá các hình thức cung cấp thông tin, chú trọng tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học về những lĩnh vực công nghệ cao, xu thế phát triển của thế giới và khu vực, góp phần nâng cao nhận thức về nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin. Mở chuyên mục thường xuyên trên truyền hình về phổ biến kiến thức, trao đổi về tri thức khoa học và công nghệ.

4. Các nhóm giải pháp chủ yếu thực hiện Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ:

4.1. Nhóm giải pháp đổi mới:

4.1.1. Đổi mới tư duy:

Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và chính quyền về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp CNH-HĐH đất nước. Xác định phát triển khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xem là một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều

hành của người đứng đầu, của cấp ủy Đảng và chính quyền. Làm tốt công tác tư tưởng để toàn xã hội hiểu và đề cao vai trò quốc sách hàng đầu của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế-xã hội, phát triển bền vững. Các cấp ủy Đảng tập trung và huy động mọi nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và phát huy tài năng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ; tôn vinh, nhân rộng các cán bộ khoa học và công nghệ điển hình tiên tiến. Xác định đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, giành ưu tiên hàng đầu trong việc bố trí ngân sách cho khoa học và công nghệ. Gắn mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội từng ngành, từng cấp; đưa kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ trở thành một cấu thành không thể thiếu của quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, các cấp.

4.1.2. Đổi mới quản lý nhân lực khoa học và công nghệ:

- Xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ khoa học và công nghệ:

Có cơ chế trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ tài năng; khuyến khích và thu hút người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia phát triển khoa học và công nghệ của Tỉnh. Có chính sách đặc thù thu hút các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước vào làm việc tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học và Bảo tàng khoa học của tỉnh. Vận dụng cơ chế tiền lương của trung ương, xây dựng cơ chế tiền lương đặc thù của tỉnh khuyến khích cán bộ khoa học hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có thành tích trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ. Áp dụng mức thu nhập đặc biệt đối với cán bộ chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tầm quan trọng đặc biệt trong các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Ban hành chính sách thu hút chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tới Việt Nam tham gia công tác đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, giữ các chức vụ quản lý nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Tăng cường đào tạo và đào tạo lại nhân lực KH&CN:

Dành một khoản kinh phí thích đáng để đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao, kỹ thuật viên lành nghề phục vụ cho các ngành kinh tế mũi nhọn và ưu tiên, các lĩnh vực công nghệ cao của Tỉnh; định kỳ bồi dưỡng cho cán bộ khoa học và công nghệ để cập nhật kiến thức và kỹ năng mới. Đẩy mạnh đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ tại các cơ sở đào tạo nước ngoài có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến; có cơ chế sử dụng có hiệu quả cán bộ khoa học và công nghệ sau khi đào tạo.

Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích mở các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế hoặc khu vực tại Tỉnh. Thu hút các viện nghiên cứu, trường đại học có uy tín của nước ngoài liên kết hoặc mở phân viện, phân hiệu hoặc tổ chức các chương trình đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ tại Tỉnh. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

4.1.3. Đổi mới cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải xuất phát từ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các sở, ban, ngành, địa phương ở mỗi thời kỳ.

a) Phân công, phân cấp rõ ràng trong xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- UBND tỉnh quyết định các định hướng phát triển khoa học và công nghệ trọng điểm được quy định trong Quy hoạch phát triển KH&CN làm cơ sở xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, có tầm quan trọng mang tính liên ngành và dài hạn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của Tỉnh; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp cho sự chỉ đạo điều hành của khoa học và công nghệ Tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ này, lồng ghép với các chương trình kinh tế - xã hội. Nhiệm vụ KH&CN của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và cấp huyện gọi là nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, do Giám đốc sở khoa học và công nghệ phê duyệt danh mục, thẩm định đề cương và nghiệm thu đánh giá kết quả. Sở Khoa học và Công nghệ giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện việc điều phối xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN để tránh sự chồng chéo và trùng lặp.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định nhiệm vụ KH&CN phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển của mình, không trùng lặp với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Cơ quan quản lý KH&CN thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh giúp Giám đốc các Sở, ban, ngành xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Tỉnh (gọi chung là huyện) quyết định nhiệm vụ KH&CN chủ yếu mang tính ứng dụng, phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ quan quản lý KH&CN của các huyện giúp Chủ tịch ủy ban nhân dân xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của địa phương.

b) Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

- *Xác định rõ các nhiệm vụ KH&CN ưu tiên ở các cấp.* Cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN các cấp tổ chức việc trao đổi giữa các viện, trường, doanh nghiệp và cơ quan hoạch định chính sách để xác định các nhiệm vụ ưu tiên.

Đối với các nhiệm vụ KH&CN mang tính ứng dụng, xuất phát từ nhu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các sản phẩm, thực hiện cơ chế liên kết giữa tổ chức KH&CN với cơ sở áp dụng kết quả nghiên cứu trong toàn bộ quá trình từ xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, đánh giá và đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

- *Áp dụng rộng rãi phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo cơ chế cạnh tranh, công khai, dân chủ.* Việc giao trực tiếp cho tổ chức,

cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải được thực hiện công khai dựa trên các tiêu chí lựa chọn rõ ràng. Hoàn thiện quy chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- *Đổi mới căn bản công tác đánh giá hoạt động KH&CN dựa trên những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu: đối với nghiên cứu cơ bản phải đánh giá bằng chất lượng khoa học phù hợp với chuẩn mực quốc tế; đối với nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội của việc ứng dụng trong thực tiễn làm tiêu chuẩn chủ yếu.*

- *Hoàn thiện các quy định về thành lập và hoạt động của các hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, bảo đảm tính độc lập và khách quan của hội đồng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia đánh giá, tiêu chuẩn thành viên và cơ cấu hội đồng phù hợp với từng loại hình nghiên cứu.*

4.1.4. Đưa nhanh các kết quả nghiên cứu KH&CN áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống:

Cơ quan quản lý KH&CN các cấp có trách nhiệm xây dựng và bảo đảm thực hiện cơ chế đưa nhanh các kết quả nghiên cứu KH&CN áp dụng vào thực tiễn. Tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thực hiện các quy định về lưu giữ, bảo mật, phổ biến và sử dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có trách nhiệm đầu tư cho nghiên cứu và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhà nước ban hành các chính sách khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đổi mới công nghệ.

Tạo cơ chế thông thoáng trong việc ứng dụng, sản xuất thử nghiệm từ kết quả nghiên cứu khoa học, làm cơ sở cho việc nhân rộng trong việc áp dụng vào sản xuất và đời sống xã hội. Nhân rộng kết quả phong trào hội thi nhằm thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; phát triển dịch vụ KH&CN; tăng cường công tác phổ biến kiến thức KH&CN để nâng cao dân trí về KH&CN. Doanh nghiệp được hạch toán các chi phí về tổ chức thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất vào chi đầu tư cho KH&CN.

4.1.5. Đổi mới cơ chế đầu tư, tài chính cho hoạt động KH&CN

Đổi mới cơ chế đầu tư, tài chính nhằm tăng nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển; nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho KH&CN, tạo động lực cho tổ chức và cá nhân hoạt động KH&CN.

a) Đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho KH&CN:

+ *Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh:* Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế tài chính khuyến khích doanh nghiệp đã có đầu tư vào hoạt động KH&CN. Doanh nghiệp được khấu hao nhanh đối với tài sản, thiết bị, máy móc; được vay vốn với lãi suất ưu đãi tại Quỹ phát triển KH&CN tỉnh để tiến hành hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

+ *Bổ sung qui mô Quỹ phát triển KH&CN tỉnh.*

+ Khuyến khích thành lập Quỹ phát triển KH&CN của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân theo các qui định của Chính phủ: Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Thủ tướng chính phủ “Quy định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN”; Quyết định số 36/2007/QĐ-BTC ngày 16/5/2007 của Bộ Tài chính “V/v Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp”; Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển KH&CN của doanh nghiệp” và Thông tư số 105/2012/TT-BTC ngày 25/6/2012 của Bộ Tài chính “Về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 15/2011/TT-BTC”.

+ Tăng cường khai thác các nguồn vốn từ hợp tác quốc tế cho phát triển KH&CN: Tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức KH&CN khai thác nguồn vốn ngoài nước từ hoạt động hợp tác quốc tế bằng nhiều hình thức khác nhau: hợp tác nghiên cứu, đào tạo song phương, đa phương; khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, thành lập tổ chức KH&CN tại Đồng Nai dưới nhiều hình thức (hợp tác, liên kết giữa bên Việt Nam và các bên nước ngoài; các tổ chức KH&CN 100% vốn nước ngoài...).

Ưu tiên nguồn vốn ODA đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, đặc biệt trong các lĩnh vực KH&CN trọng điểm của tỉnh, như: các tổ chức nghiên cứu và phát triển trọng điểm, các phòng thí nghiệm trọng điểm, các khu công nghệ cao.

b) *Đổi mới cơ chế đầu tư và phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN:*

Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm của tỉnh, các nhiệm vụ KH&CN phục vụ trực tiếp cho sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, chính sách và những lĩnh vực công ích do UBND tỉnh quy định. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp tăng đầu tư vào các lĩnh vực nghiên cứu - phát triển và đổi mới công nghệ.

Nhà nước tập trung đầu tư đồng bộ giữa hạ tầng cơ sở, trang thiết bị với đào tạo cán bộ KH&CN, đổi mới việc xây dựng một số tổ chức nghiên cứu và phát triển đạt trình độ hiện đại, tiên tiến; đồng thời áp dụng chế độ ưu đãi đặc biệt (về nhà ở, điều kiện làm việc, chế độ thu nhập, xuất nhập cảnh thuận lợi...) để thu hút chuyên gia giỏi trong nước và nước ngoài tới làm việc tại các tổ chức này.

Dành kinh phí cần thiết cho các khâu hình thành, xác định nhiệm vụ KH&CN; tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện đề tài, dự án; kiểm tra và đánh giá định kỳ kết quả hoạt động KH&CN; đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu và hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn để đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động KH&CN.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thống nhất việc xây dựng cơ cấu phân bổ ngân sách nhà nước dành cho KH&CN, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) *Hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn tài chính tạo động lực cho hoạt động KH&CN:*

Áp dụng cơ chế khoán đối với đề tài, dự án KH&CN trong một số lĩnh vực KH&CN trên cơ sở thâm định kỹ về nội dung, sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí thực hiện. Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án KH&CN phải căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng sản phẩm nghiên cứu là chủ yếu; bãi bỏ các thủ tục thanh, quyết toán không còn phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Có cơ chế về việc trích lập Quỹ khen thưởng từ kinh phí sự nghiệp KH&CN để khen thưởng thỏa đáng đối với tổ chức, cá nhân có kết quả nghiên cứu được ứng dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Nhà nước dành một khoản kinh phí hỗ trợ đăng ký bằng sáng chế, giải pháp hữu ích của cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; kinh phí để mua sáng chế công nghệ từ các nước phát triển.

4.2. Nhóm giải pháp phát triển:

4.2.1. Phát triển thị trường KH&CN:

- Có cơ chế hỗ trợ và bảo hộ thực thi các quyền sở hữu trí tuệ các sản phẩm là kết quả nghiên cứu KH&CN, sáng tạo, sáng chế tham gia thị trường KH&CN. Dành tỷ lệ thích đáng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hoá để nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hoá của các sản phẩm KH&CN.

- Tạo điều kiện hình thành hệ thống dịch vụ hỗ trợ thị trường KH&CN: Phát triển các tổ chức môi giới công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, các tổ chức cung cấp thông tin thị trường công nghệ; hình thành các tổ chức xúc tiến thị trường công nghệ; tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị (Techmart). Đầu tư xây dựng sàn giao dịch thiết bị, công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu cho chợ ảo thiết bị và công nghệ.

- Cần chuyển một phần nhân lực từ các tổ chức nghiên cứu phát triển đang chuyển đổi sang tham gia dịch vụ trung gian để hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN.

- Hình thành các tổ chức tư vấn, giám định về chất lượng và giá cả của công nghệ trước khi chuyển giao hoặc bán cho sản xuất công nghiệp.

4.2.2. Phát triển mạnh mẽ tiềm lực KH&CN:

Tập trung nguồn lực tài chính nhà nước và kết hợp đẩy mạnh huy động xã hội hóa để đầu tư xây dựng các dự án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh như: Khu Công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học, Bảo tàng khoa học và công nghệ Quốc gia tại Đồng Nai, Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh, Trung tâm chiếu xạ, Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng, Trung tâm thông tin và thống kê khoa học và công nghệ tỉnh; Tạo điều kiện nâng tầm quy hoạch khu vực Khu Công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học thành đô thị khoa học và trí thức phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

4.3. Nhóm giải pháp tăng cường:

4.3.1. Tăng cường hợp tác quốc tế và trong nước về KH&CN:

- Tăng cường hợp tác quốc tế và trong nước trên các lĩnh vực chuyển giao công nghệ mới, thu hút đầu tư vào phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp ưu tiên, sản phẩm công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tiếp tục duy trì chủ trương đào tạo nhân lực KH&CN trình độ sau đại học bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; áp dụng linh hoạt các phương thức đào tạo như gửi đi đào tạo ở các nước phát triển, đào tạo trong nước có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, phòng chống vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả,...

4.3.2. Tăng cường công tác thông tin – truyền thông về KH&CN:

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tuyên truyền, phổ biến tri thức KH&CN thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc hội thảo chuyên đề, thư viện, các tạp chí thông tin, ... để phổ biến tri thức KH&CN vào thực tiễn sản xuất – đời sống, nâng cao nhận thức và tính cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Có cơ chế hỗ trợ cho các hoạt động thông tin – truyền thông KH&CN như bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, đầu tư trang thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động thông tin – truyền thông KH&CN.

4.3.3. Hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN:

- Đẩy mạnh việc chuyển đổi các cơ quan sự nghiệp KH&CN công lập sang hình thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm; hoàn thiện tổ chức quản lý nhà nước về KH&CN cấp huyện.

- Nâng cao chất lượng các hội đồng KH&CN xét duyệt đề cương chi tiết, đánh giá – nghiệm thu kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học; kiện toàn hội đồng thẩm định công nghệ các dự án đầu tư theo hướng mời các chuyên gia ở trung ương và khai thác các thông tin công nghệ ở các tổ chức KH&CN trung ương..

- Tiếp tục thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất – chất lượng và năng lực cạnh tranh sản phẩm- hàng hóa để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn mới.

- Tăng cường quản lý nhà nước về tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng và an toàn bức xạ, hạt nhân. Thông qua công tác kiểm tra, thanh tra có biện pháp quản lý chặt chẽ việc chấp hành các tiêu chuẩn sản phẩm, hàng hóa; bảo đảm chấp hành nghiêm túc pháp luật về đo lường- chất lượng sản phẩm - hàng hóa; đặc biệt là chất lượng sản phẩm - hàng hóa xuất nhập khẩu và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đầu tư tăng cường năng lực hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm hàng hóa cho Trung tâm Ứng dụng KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế. Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) tỉnh Đồng Nai.

Tăng cường công tác quản lý an toàn bức xạ, kiểm soát các nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, thiết bị bức xạ đang sử dụng, lưu giữ, vận chuyển trên địa bàn tỉnh. Triển khai các biện pháp quản lý an toàn bức xạ, các thiết bị có liên quan đến môi trường và

sức khỏe. Nâng cao năng lực, trình độ quản lý về an toàn và kiểm soát bức xạ, hạt nhân cho các bộ phận phụ trách của các sở, ban, ngành liên quan.

- Hướng dẫn doanh nghiệp đánh giá công nghệ, đổi mới công nghệ, tập trung chủ yếu vào các sản phẩm xuất khẩu chủ lực. Báo cáo hiện trạng công nghệ hằng năm của tỉnh để có kế hoạch đổi mới công nghệ.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp. Cung cấp thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu triển khai, hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân tạo dựng và tạo lập quyền, khai thác và phát triển giá trị thương hiệu và bảo vệ tài sản sở hữu công nghiệp, đặc biệt là tên gọi, xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý dùng cho đặc sản của địa phương.

4.4. Giải pháp về vốn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ:

4.4.1. Nguồn vốn đầu tư phát triển xã hội cho hoạt động KH&CN

- Triển khai và thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc thành lập các quỹ phát triển KH&CN tại các doanh nghiệp, đặc biệt chú ý các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành, lĩnh vực mũi nhọn và ưu tiên phát triển của tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào KH&CN để tăng thêm nguồn vốn đầu tư xã hội vào KH&CN.

- Coi việc chuyển đổi các tổ chức KH&CN công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm là kênh quan trọng thu hút vốn đầu tư xã hội vào hoạt động KH&CN; giai đoạn đầu (ít nhất là từ nay tới 2020) những tổ chức này vẫn phải cần được sự hỗ trợ một tỷ lệ vốn nhất định từ ngân sách nhà nước.

- Hình thành và phát triển các tổ chức dịch vụ KH&CN và trung gian thị trường KH&CN.

4.4.2. Nguồn vốn từ ngân sách địa phương cho hoạt động KH&CN

- Tăng đầu tư vốn từ ngân sách nhà nước cho KH&CN theo Quyết định 734/QĐ-TTg ngày 27/5/2015 của Thủ Tướng Chính phủ trên cơ sở giảm đầu tư vào các lĩnh vực khác kém hiệu quả.

- Có cơ chế thu hút đầu tư của khu vực tư nhân (doanh nghiệp và cá nhân) đầu tư vào KH&CN.

- Ngoài ra, cần tăng cường thu hút các nguồn vốn khác từ các tổ chức quốc tế và nước ngoài vào KH&CN.

Thu hút đầu tư vào KH&CN phải được thực hiện từng bước, giai đoạn 2016-2020 vốn ngân sách Nhà nước vẫn là nguồn vốn chủ yếu cho hoạt động KH&CN.

5. Tổ chức thực hiện:

a) Tổ chức công bố, phổ biến và triển khai Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh biết, tham gia thực hiện có hiệu quả.

b) Trên cơ sở các nội dung, mục tiêu của quy hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện đạt mục tiêu Quy hoạch.

c) Cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 05 năm, hàng năm để thực hiện. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát lại Quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời, đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ của địa phương trong từng thời kỳ.

d) Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là định hướng cho việc xây dựng kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ 05 năm và hàng năm trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở cho việc lập và triển khai thực hiện các dự án khoa học công nghệ đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển khoa học - công nghệ của địa phương trong Quy hoạch được phê duyệt, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo các bộ phận chuyên môn lập và trình duyệt các chương trình, dự án và triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hỗ trợ Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu lập các kế hoạch, chương trình, dự án nói trên và hỗ trợ huy động, phân bổ các nguồn vốn đầu tư để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**DANH MỤC MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 07/10/2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. NHỮNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỘT PHÁ:

Tên nhiệm vụ KH&CN		Phân kỳ đầu tư	
		2016 - 2020	2021 - 2030
Chương trình, đề án: Hình thành đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao (R&D)			
1	Chương trình bồi dưỡng và đào tạo nhân lực nghiên cứu và phát triển (R&D) trình độ cao	x	
2	Đề án xây dựng cơ chế đặc thù của tỉnh về thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, cán bộ KH&CN trình độ cao, kỹ thuật viên lành nghề phục vụ cho các ngành kinh tế trọng điểm và các lĩnh vực công nghệ cao	x	
3	Đề án xây dựng cơ chế đặc thù của tỉnh thu hút chuyên gia nước ngoài, chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài đến Đồng Nai tham gia công tác nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn về KH&CN trình độ cao	x	
Chương trình, đề án: Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật Khoa học và công nghệ			
4	Đầu tư hoàn chỉnh các dự án thành phần thuộc Trung Tâm Ứng dụng Công nghệ Sinh học (định hướng là khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học tỉnh) theo Quyết định 734/QĐ-TTg	x	
Chương trình, đề án: Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ			

Tên nhiệm vụ KH&CN		Phân kỳ đầu tư	
		2016 - 2020	2021 - 2030
5	Chương trình KH&CN hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; áp dụng hệ thống quản trị chất lượng tiên tiến; bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	X	X

II. NHỮNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHỦ YẾU:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Phân kỳ đầu tư	
		2016 - 2020	2021 - 2030
1	Dự án: Chương trình đào tạo sau đại học	X	X
2	Dự án: Chương trình đào tạo năng khiếu	X	X
3	Dự án: Chương trình đào tạo lao động kỹ thuật	X	X
4	Dự án: Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị	X	X
5	Dự án: Xây dựng Trung tâm Chiếu xạ Đồng Nai	X	X
6	Dự án: Xây dựng Trạm Quan trắc và Cảnh báo phóng xạ môi trường Đồng Nai	X	X
7	Dự án: Xây dựng Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Đồng Nai	X	
8	Dự án: Xây dựng Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng Đồng Nai	X	
9	Dự án: Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng Đồng Nai	X	X
10	Dự án: Tăng cường tiềm lực cho Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ Đồng Nai	X	X
11	Dự án: Xây dựng Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ Đồng Nai	X	X
12	Dự án: Hoàn thành nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông cho mạng lưới điểm thông tin KH&CN	X	
13	Dự án: Hoàn thành dự án xây dựng mô hình siêu thâm canh tôm tại huyện Nhơn Trạch	X	X

14	Dự án: Xây dựng thành phố khoa học trên nền tảng phát triển Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Sinh học Đồng Nai (ở hướng Đông Sân bay Quốc tế Long Thành)	x	x
15	Dự án: Xây dựng Bảo tàng Khoa học và Công nghệ Quốc gia tại Đồng Nai.	x	x
16	Chương trình hỗ trợ các tổ chức KH&CN công lập chuyển sang thực hiện cơ chế theo tự chủ, tự chịu trách nhiệm	x	x

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh